

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LẦN 01
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM



HÀ NỘI, NGÀY 01 THÁNG 6 NĂM 2011

Căn cứ Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty số: 04/09/NQ-ĐHĐCĐ-VINCOM JSC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 về việc phát hành Trái phiếu chuyển đổi ra nước ngoài.

Bản sửa đổi, bổ sung này sửa đổi Phụ lục 02 của Điều lệ Công ty Cổ phần Vincom (“*Công ty*”) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/2/2011 (đã được cập nhật các sửa đổi, bổ sung đến ngày 23/5/2011) (“*Điều lệ Công ty*”). Phụ lục 02 của Điều lệ Công ty được sửa đổi thống nhất với các điều khoản còn lại của Điều lệ Công ty. Các điều khoản và Phụ lục khác của Điều lệ Công ty vẫn giữ nguyên hiệu lực và không thay đổi.

Sửa đổi Phụ lục 2 như sau:

Phụ lục 2

Chi tiết về Vốn Điều lệ Công ty

Stt	Thời gian	Vốn Điều lệ (VNĐ)	Ghi chú
1	03/05/2002	196.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD lần đầu, số 0103001016 ngày 03/05/2002
2	04/03/2003	251.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ nhất, số 0103001016 ngày 04/03/2003
3	15/08/2005	250.749.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 6, số 0103001016 ngày 15/08/2005
4	25/12/2006	313.500.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 10, số 0103001016 ngày 25/12/2006
5	15/02/2007	600.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 11, số 0103001016 ngày 15/02/2007
6	22/6/2007	800.000.000.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 13, số 0103001016 ngày 22/6/2007
7	09/4/2008	1.199.831.560.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 15, số 0103001016 ngày 09/4/2008
8	02/10/2009	1.996.272.380.000	Theo Giấy CN ĐKKD sửa đổi lần thứ 17, số 0103001016 ngày 02/10/2009

9	12/5/2010	3.599.279.120.000	Theo Giấy CN ĐKKD và Đăng ký thuế thay đổi lần thứ 18, số 0101245486 ngày 12/5/2010
10	19/7/2010	3.643.329.490.000	Theo Giấy CN ĐKKD và Đăng ký thuế thay đổi lần thứ 19, số 0101245486 ngày 19/7/2010
11	02/08/2010	3.669.614.480.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20, số 0101245486 ngày 02/08/2010
12	10/08/2010	3.672.743.640.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 21, số 0101245486 ngày 10/08/2010
13	25/8/2010	3.682.131.130.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22, số 0101245486 ngày 25/8/2010
14	09/12 /2010	3.686.824.880.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23, số 0101245486 ngày 09 / 12 /2010
15	28 /12/2010	3.709.667.790.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 24, số 0101245486 ngày 28 /12/2010
16	31/12/2010	3.726.252.370.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25, số 0101245486 ngày 31/12/2010
17	14/01/2011	3.734.388.190.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26, số 0101245486 ngày 14 /01/2011
18	19/01/2011	3.795.094.000.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27, số 0101245486 ngày 19/01/2011

19	25/01/2011	3.813.868.990.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 28, số 0101245486 ngày 25/01/2011
20	02/3/2011	3.815.433.570.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 29, số 0101245486 ngày 02/3/2011
21	07/ 4/2011	3.821.066.060.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 31, số 0101245486 ngày 07 / 4 /2011
22	25/ 4/2011	3.827.324.390.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 32, số 0101245486 ngày 25 / 4 /2011
23	05/5/2011	3.833.582.720.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 33, số 0101245486 ngày 05/5/2011
24	12/5/2011	3.880.520.210.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 34, số 0101245486 ngày 12/5/2011
25	23/5/2011	3.895.540.200.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 35, số 0101245486 ngày 23/5/2011
26	<u>01 / 6</u> /2011	3.895.853.110.000	Theo Giấy CN Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 36, số 0101245486 ngày <u>01 / 6</u> /2011

